



CK.0000059996

NG TRÌNH NGHIÊN CỨU VIỆT NAM - HÀ LAN (VNRP)

Chủ biên: **DINH NGỌC LAN**

# **QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG**

## **TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG THÔN VÙNG NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM**

(Trường hợp ở Thái Nguyên và Bắc Kạn)



NGUYỄN  
HOC LIU

5



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP



## LỜI CẢM ƠN

*Tập thể tác giả bày tỏ lời cảm ơn tới:*

*Hội đồng chỉ đạo và Ban thư ký Chương trình nghiên cứu Việt Nam – Hà Lan (VNRP); Bộ Hợp tác và Phát triển Hà Lan đã tạo điều kiện kinh phí cho quá trình nghiên cứu, biên tập và xuất bản.*

*Ủy ban Nhân dân, các Phòng Ban chức năng và Hạt kiểm lâm của hai huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cùng nhân dân các xã thuộc vùng nghiên cứu đã tạo điều kiện và phối hợp tốt cho sự thành công quá trình nghiên cứu.*

*Ban Giám hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên; lãnh đạo Phòng Đào tạo, Khoa học và Quan hệ Quốc tế; Khoa Trồng trọt và Khoa Lâm nghiệp của Trường đã tạo điều kiện thuận lợi về nhân lực cho quá trình triển khai nghiên cứu.*

*Tập thể tác giả chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Nông nghiệp đã tạo điều kiện giúp đỡ in ấn để hoàn thành cuốn sách này.*

*Thái Nguyên, tháng 8 năm 2002*

**Tập thể tác giả**



## LỜI NÓI ĐẦU

Trên thế giới hiện đang tồn tại 3 hệ quản lý cơ bản về tài nguyên rừng là quản lý nhà nước, quản lý cộng đồng và quản lý tư nhân (Bruce, 1989; Messerschmidt, 1996). Cùng với sự phát triển của lịch sử, đã xuất hiện các hình thức quản lý rừng khác nhau. Thực tiễn phát triển lâm nghiệp trên Thế giới đã diễn ra quá trình thay thế và đan xen của ba loại hình quản lý rừng. Mỗi loại hình quản lý rừng có những đặc trưng riêng và thường có liên quan chặt chẽ với quyền sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường. Nếu như tối đa hoá một hình thức quản lý rừng hoặc chỉ một hình thức phổ biến thì có thể dẫn đến tình trạng tài nguyên rừng bị suy thoái hoặc những hậu quả khác.

Việt Nam là đất nước có 3/4 diện tích đất đai là núi đồi (khoảng 23 triệu ha), với 15 tỉnh miền núi và 25 tỉnh có một số huyện và xã miền núi. Sự suy thoái tài nguyên rừng và sự nghèo đói là những thách thức chủ yếu nhất đe dọa sự phát triển của miền núi Việt Nam, nhất là vùng núi phía Bắc (Phạm Bình Quyền, 1995; Donovan và nnk, 1997; Lê Trọng Cúc, 1999; Võ Quý, 1999).

Cùng với quản lý rừng nhà nước, chính sách giao đất giao rừng đã tạo môi trường pháp lý cho sự phát triển của quản lý rừng tư nhân. Sự phát triển của cả hai hình thức quản lý đó càng thúc đẩy sự suy vong của rừng cộng đồng. Nhưng rừng cộng đồng vẫn còn tồn tại. Sự tồn tại của một số khu rừng cộng đồng cho thấy bản thân hình thức quản lý rừng cộng đồng có những ưu điểm nhất định.

Quản lý rừng cộng đồng có vị trí và vai trò như thế nào trong phát triển của lâm nghiệp Việt Nam ? Đây là những vấn đề cấp bách đặt ra cho các nhà nghiên cứu, đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách có một cách nhìn đúng đắn và đưa ra được những giải pháp phù hợp.

Như đã đề cập ở trên, tài nguyên rừng cộng đồng có vai trò quan trọng trong phát triển nông thôn miền núi Việt Nam, nhưng hệ quản lý này đã và hiện đang bị lãng quên. Cho đến nay, có rất ít bài báo, công trình nghiên cứu có liên quan đến rừng cộng đồng. Một số bài báo, công trình nghiên cứu mới chỉ đề cập một vài khía cạnh hoặc đề xuất kiến nghị về cần phải hỗ trợ phát triển hình thức quản lý rừng cộng đồng. Có thể nói, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, đầy đủ về hệ quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam.

Cuốn sách “Quản lý rừng cộng đồng trong phát triển bền vững nông thôn vùng núi phía Bắc Việt Nam (trường hợp ở Thái Nguyên và Bắc Kạn)” được biên soạn trên kết quả nghiên cứu của Đề án “Nghiên cứu phương thức quản lý rừng cộng đồng góp phần phát triển bền vững nông thôn vùng núi phía Bắc Việt Nam (Trường hợp nghiên cứu: Tại một số xã thuộc hai huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn)”. Đây là một công trình nghiên cứu chung của các cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học do ThS. Đinh Ngọc Lan làm trưởng Đề án với sự tài trợ của Chương trình Nghiên cứu Việt Nam – Hà Lan (VNRP) trong thời gian 2 năm (2000 – 2002).

Hy vọng rằng nội dung cuốn sách sẽ là nguồn tài liệu tham khảo quý cho những độc giả quan tâm đến lĩnh vực phát triển lâm nghiệp và phát triển nông thôn miền núi ở nước ta.

Vấn đề quản lý rừng cộng đồng đối với phát triển nông thôn miền núi hiện còn một số quan điểm chưa thật thống nhất, tập thể tác giả xin chân thành cảm ơn sự góp ý và trao đổi thông tin cùng bạn đọc.

**Các tác giả**

## **DANH MỤC CÁC CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

1. Kinh nghiệm quản lý rừng cộng đồng trên thế giới và một số bài học cho quản lý rừng ở Việt Nam

**ThS. Đinh Ngọc Lan**

2. Hiện trạng tài nguyên rừng và các phương thức quản lý rừng ở Việt Nam và ở Thái Nguyên, Bắc Kạn

**TS. Nguyễn Thế Đặng; KS. Nguyễn Hoàng Thượng**

3. Quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam

**TS. Dương Văn Sơn**

4. Các yếu tố tác động đến rừng cộng đồng

**ThS. Trần Công Quân; KS. Đàm Thị Thế**

5. Sự phối hợp giữa ba phương thức quản lý rừng nhà nước, tư nhân và cộng đồng

**ThS. Nguyễn Thị Lâm; ThS. Đinh Ngọc Lan**

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ ÁN

1. Thạc sỹ nông nghiệp: **Đinh Ngọc Lan** – Chủ nhiệm Đề án  
Khoa Trồng trọt - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
2. Tiến sỹ nông học: **Nguyễn Thế Đặng** – Thư ký Đề án.  
Phòng ĐT,KH&QHQT – Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
3. Tiến sỹ nông học: **Trần Ngọc Ngoan** – Tham gia  
Khoa Trồng trọt - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
4. Tiến sỹ nông học: **Dương Văn Sơn** – Tham gia  
Khoa Trồng trọt - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
5. Thạc sỹ lâm nghiệp xã hội: **Trần Công Quân** – Tham gia  
Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
6. Thạc sỹ kinh tế: **Nguyễn Thị Thắc** – Tham gia  
Khoa Kinh tế - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
7. Tiến sỹ xã hội học: **Vũ Thị Tùng Hoa** – Tham gia  
Trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên
8. Thạc sỹ nông nghiệp: **Nguyễn Thị Lân** – Tham gia  
Khoa Trồng trọt - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
9. Kỹ sư lâm nghiệp: **Nguyễn Hoàng Thượng** – Tham gia  
Hạt kiểm lâm – Huyện Phú Lương – Thái Nguyên
10. Kỹ sư nông nghiệp: **Đàm Thị Thế** – Tham gia  
Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Ba Bể, Bắc Kạn.
11. Thạc sỹ nông nghiệp: **Hoàng Văn Hùng** – Tham gia  
Khoa Địa chính - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
12. Kỹ sư địa chính: **Phan Đình Bình** – Tham gia  
Khoa Địa chính - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
13. Kỹ sư lâm nghiệp: **Đàm Xuân Bắc** – Tham gia  
Khoa Lâm nghiệp - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
14. Tiến sỹ lâm nghiệp: **Đặng Kim Vui** – Chuyên gia hỗ trợ khoa học của Đề án  
Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

## Chương I

# CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG

Quản lý rừng cộng đồng là sự hội tụ đầy đủ các phương diện xã hội, kỹ thuật và kiến thức bản địa. Đây là một hệ thống sinh thái nhân văn nằm trong mối tương tác giữa hệ xã hội – cộng đồng và hệ tự nhiên – hệ sinh thái rừng. Vì vậy quản lý rừng cộng đồng phải được xem xét trên cơ sở lý thuyết về hệ thống, về cộng đồng, bản địa, sở hữu và quyền hưởng dụng tài nguyên.

## 1.1. HỆ THỐNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 1.1.1. Hệ thống

Khái niệm "*hệ thống*" đã từng là một bộ phận của tư duy nhân loại trong một thời gian rất dài. Nhưng trong mấy thập kỷ gần đây, đặc biệt sau chiến tranh thế giới lần thứ II - tư duy hệ thống đã phát triển thành một công cụ mới, mạnh mẽ để tư duy về nhiều loại sự vật khác nhau.

Vậy hệ thống là gì? Hệ thống là cái gì đó có nhiều bộ phận liên hệ với nhau. "*Hệ thống là một tập hợp những quan hệ tồn tại dai dẳng với thời gian*" (Nei L Jamieson). Đây là một cách định nghĩa hữu ích về hệ thống. Thuật ngữ hệ thống được sử dụng để nói đến bất cứ một tập hợp yếu tố nào có liên quan với nhau. Tuy nhiên bản thân hệ thống không phải là con số cộng các bộ phận của nó, mà là các bộ phận cùng hoạt động, những bộ phận có thể cùng hoạt động theo nhiều cách khác nhau để sản sinh ra những kết quả nhất định. Những kết quả này là sản phẩm của những liên hệ giữa những bộ phận của hệ thống mà không phải là kết quả trực tiếp của một bộ phận nào đó trong hệ thống.

Cấu trúc của một hệ thống có liên quan đến cách mà những bộ phận của hệ thống được tổ chức. Cách chúng được sắp xếp, liên hệ với nhau. Cách để tư duy về tổ chức của một hệ thống là xem xét cách những bộ phận được liên hệ với nhau trong thời gian và không gian như thế nào. Ta rất quen thuộc với những hình vẽ các loại hệ thống khác nhau trong một cơ thể con người như hệ thống tuần hoàn, hệ thống tiêu hoá.v.v... Mỗi một hệ thống trong những hệ thống này gồm một số bộ phận và những bộ phận này được sắp đặt và tác động với nhau theo một cách nhất định và điều này minh họa cho cấu trúc của hệ thống.

Thực tại có rất nhiều loại hệ thống. Có những hệ thống tự nhiên và hệ thống nhân tạo, có những hệ thống kín và hệ thống mở, đặc biệt có rất nhiều hệ thống phức tạp, những hệ thống phức hợp có xu hướng được tổ chức có thứ bậc trên dưới, chúng ta cần biết rõ chúng ta đang nghiên cứu ở cấp bậc nào của hệ thống. Điều này rất quan trọng trong việc nghiên cứu những hệ thống sinh vật học và những hệ thống xã hội. Những nghiên cứu liên hệ giữa hệ thống sinh vật học và hệ thống xã hội cũng là một vấn đề hết sức quan trọng và đây là điều chúng ta phải làm gì để có thể thực hiện một sự phát triển vững chắc và quản lý những tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững. Ví dụ: Về sự tương tác giữa hệ thống sinh thái và hệ thống xã hội (sơ đồ 1).

### **1.1.2. Hệ thống phát triển**

Phần lớn những nỗ lực phát triển có thể được miêu tả như là những cố gắng để xen vào những hệ thống phức hợp đương tiến triển. Mục tiêu của sự phát triển là làm thay đổi đầu ra của một hệ thống theo một cách nào đó. Chẳng hạn như tăng sản lượng lúa tính theo đơn vị đất và hàng năm.

Dự án phát triển thường được thiết kế như là nó sẽ diễn ra trong hệ thống cơ giới giản đơn, những hệ thống này có một logic riêng nào đó, nhưng đó không phải là logic của thế giới thực tại, trong đó sự phát triển thực sự diễn ra. Những hệ thống cơ giới giản đơn có tính quy luật và có thể dự đoán được. Nguyên nhân và hiệu quả của nó ở trong quan hệ đường thẳng. Chúng ta có thể làm thay đổi bộ phận A để tạo ra sự thay đổi nào đó ở bộ phận B và chúng ta có thể biết trước hiệu quả tới bộ phận C và bộ phận D sẽ như thế nào.

Tuy nhiên loại tư duy này không thể đem ứng dụng cho những hệ thống sống phức tạp. Nếu chúng ta làm thay đổi bộ phận A nhằm thực hiện một sự thay đổi nào đó ở bộ phận B thì những bộ phận khác cũng sẽ thay đổi theo những chiều hướng không thể dự đoán được. Những sự thay đổi này đến lượt nó lại có thể gây ra một sự thay đổi nào đó ở những bộ phận A và B, tiếp tục làm thay đổi theo những chiều hướng không thể lường trước được. Điều này đặc biệt đúng trong những hệ sinh thái phức hợp.

Trong những hệ thống phức hợp, mọi sự thay đổi không chỉ có một hiệu quả mà có nhiều hiệu quả và mỗi hiệu quả lại sinh ra một sự điều chỉnh trong hệ thống. Sự thay đổi tiếp tục chuyển động xuyên suốt hệ thống. Mọi sự vật đều có liên hệ với nhau, những cách liên hệ thường là khó thấy hoặc khó phát hiện kịp thời. Trong loại hệ thống này quan niệm nhân quả thường vận động theo vòng tròn, chứ không theo đường thẳng.